TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRI TÔN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 15-8-2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Sơn Thị Thúy Liễu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Văn Dũng;

Bà Châu Thanh Nguyên.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Đặng Văn Tâm – Thư ký Tòa án.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn tham gia phiên toà:*** Không.

Trong ngày 15 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 180/2018/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2018 về "tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2018/QĐXX-ST ngày 30 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Hồng H, sinh năm 1976; nơi cư trú: Tổ 05, ấp A, xã L, huyện TT, tỉnh An Giang, (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Phạm Văn L, sinh năm 1975; nơi cư trú: Tổ 05, ấp A, xã L, huyện TT, tỉnh An Giang. Hiện đang chấp hành hình phạt tù tại trại giam Đ, huyện TS, tỉnh An Giang, (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Phạm Hồng H trình bày: Bà H và ông L chung sống với nhau từ năm 1997, nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc về sau thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân vào năm 2010 ông L đã dùng dao chém cha ruột của bà H và bị Tòa án xét xử 12 năm tù, hiện đang chấp hành hình phạt tù tại trại giam Đ, huyện TS, tỉnh An Giang. Trước

khi xảy ra vụ án hình sự ông L cũng nhiều lần hành hung, đánh đập bà H nên dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Nay bà H yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Phạm Văn L; về con chung: có 02 con chung tên Phạm Bé H, sinh ngày 13 tháng 10 năm 1998 và Phạm Thanh S, sinh ngày 13 tháng 10 năm 1999. Hiện 02 con đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết; về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Không có.

- Tại biên bản hòa giải và bản tự khai ông Phạm Văn L trình bày: Ông thống nhất với nội dung trình bày của bà H về điều kiện đi đến hôn nhân, về con chung, tài sản chung và nợ chung. Nguyên nhân vào năm 2010 ông L có lỡ tay chém cha vợ (cha ruột bà H) và bị Tòa án xét xử tuyên phạt 12 năm tù và hiện đang thụ án tại Trại giam Đ, huyện TS, tỉnh An Giang. Quá trình chấp hành án thì hai năm đầu bà H có thường xuyên đến thăm, nhưng sau thời gian đó bà H không còn liên lạc với ông. Nay bà H yêu cầu ly hôn thì ông L chấp nhận ly hôn với bà H.

Vụ án đã được Toà án mở các phiên hòa giải nhưng các bên không thống nhất đoàn tựu.

Tại phiên tòa,

Bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu, hội đồng xét xử công bố lời khai của bị đơn ông Phạm Văn L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Phạm Hồng H và bị đơn ông Phạm Văn L có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại địa chỉ: Tổ 05, ấp A, xã L, huyện TT, tỉnh An Giang. Bà H khởi kiện xin ly hôn ông L, Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Bị đơn ông Phạm Văn L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông L theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà H ông L chung sống vào năm 1997 nhưng không đăng ký kết hôn. Xét thấy, bà H và ông L chung sống với nhau như vợ chồng và có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không đăng ký là không đúng với quy định tại Khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Đồng thời, ông L cũng không muốn tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này và đã thống nhất ly hôn với bà H. Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phạm Hồng H với ông Phạm Văn L.

- Về con chung: Thời gian chung sống bà H và ông L có 02 chung tên Phạm Bé H, sinh ngày 13 tháng 10 năm 1998 và Phạm Thanh S, sinh ngày 13 tháng 10 năm 1999. Hiện H và S đã thành niên và có khả năng lao động được nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, bà H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2016/0001629 ngày 19 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phạm Hồng H với ông Phạm Văn L.

- Về con chung: Bà H và ông L có 02 chung tên Phạm Bé H, sinh ngày 13 tháng 10 năm 1998 và Phạm Thanh S, sinh ngày 13 tháng 10 năm 1999. Hiện H và S đã thành niên và có khả năng lao động được nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn bà Phạm Hồng H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2016/0001629 ngày 19 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn.

- Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Riêng thời hạn kháng cáo của ông L là 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- VKSND h.Tri Tôn;
- Chi cục THADS h.Tri Tôn;
- Các đương sự;
- Lưu HS & VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký tên và đóng dấu)

Sơn Thị Thúy Liễu